TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/6/2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đáng

Ông Dương Tuấn Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Phước Ngưỡng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng L

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

Bị đơn: Ông Tran Ngoc Q

Địa chỉ: A2-6960 Salisbury Avenue, Burnaby BC V5E 2Z7, Canada.

Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/3/2018 và trong quá trình tiến hành tố tụng thì nội dung vụ án như sau:

Bà L và ông Q quen biết nhau do tự tìm hiểu, rồi yêu thương nhau. Sau đó khoảng 1 năm thì hai người tự nguyện kết hôn. Ngày 25/02/2016, bà L và ông Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hai người sống chung 3 tháng thì ông Q trở về Canada. Khoảng 10 tháng sau, ông Q có về Việt Nam sống 2 tháng. Trong thời gian về sống ở Việt Nam, ông Q không có tình cảm gì với bà L mà ở riêng nhà bà ngoại ông Q và sau đó về lại Canada. Kể từ ngày về nước cho đến nay ông Q không còn liên lạc gì với bà L nữa. Do thường xuyên sống xa nhau, đồng thời hai người không còn tình cảm vợ chồng, nên bà L đã làm đơn xin ly hôn ông Q.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có và không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Hồng L đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải với lý do tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông Q không còn nữa và ông Q đã đồng ý ly hôn với bà.

Ngày 25/5/2018 Tòa án nhận được thư trả lời của ông Tran Ngoc Q có nội dung: Ông Q đã nhận được nhận được các giấy tờ do Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Công văn số 919/CV-TA ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc yêu cầu ông Q cung cấp chứng cứ. Ông Q hoàn toàn đồng ý việc bà Lê Thị Hồng L xin ly hôn. Ông Q cũng đồng ý với bà L về các vấn đề vợ chồng ông bà không có con chung, không có tài sản chung cũng như nợ chung. Ông Q cũng đề nghị Tòa án xin được vắng mặt ở tất cả các phiên làm việc và các phiên tòa giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà L.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

Về việc tuân thủ tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục, về thời gian chuẩn bị xét xử, về thời gian chuyển hồ sơ vụ án, thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng như quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, không có ai vi phạm gì để kiến nghị khắc phục. Đồng thời về nội dung đại diện Viện kiểm sát nhân dan tỉnh đề nghị xử cho bà L được ly hôn ông Q.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chông không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viên kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Tran Ngoc Q có văn bản gửi Tòa án với nội dung xin vắng mặt tại phiên tòa, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tran Ngoc Q.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng L, thấy rằng:

Bà L và ông Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và thực hiện các quy định của Luật Hôn nhân gia đình, Sau khi kết hôn hai bên chung sống một thời gian ngắn và ông Q đã trở về nước. Do vợ chồng sống xa cách nhau không có điều kiện ở gần nhau nên vợ chồng bà L và ông Q không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, hai bên phát sinh mâu thuẫn nên bà L xin ly hôn và ông Q cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét tình cảm vợ chồng giữa họ đã thực sự đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

[1] Về Q hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Hồng L được ly hôn ông Tran Ngoc Q.

[2] Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 005355 ngày 27/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Hồng L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tran Ngoc Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trần Hưng Bính

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THA tỉnh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VPTDS;*
- *Lưu HS.*